|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**  KHOA NGOẠI NGỮ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  | *Quảng Bình, ngày tháng 12 năm 2021* |

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Quảng Bình được thành lập trên cơ sở Khoa Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình. Sứ mạng và tầm nhìn của Khoa được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương phù hợp yêu cầu phát triển lực lượng lao động trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**1. Mục đích, vai trò và giá trị sử dụng của Chiến lược phát triển**

***1.1. Mục đích***

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Quảng Bình nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Chi bộ khoa nhiệm kỳ 2020-2025; Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn 2035.

Các trường đại học đã và đang thực hiện công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài, thực hiện Ba công khai, các hoạt động chuyên môn, NCKH, hợp tác,… do vậy, việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển khoa là công việc quan trọng, cần thiết để có thể định hướng cho tiến trình xây dựng và phát triển, là căn cứ pháp lý cho xây dựng kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Khoa Kỹ thuật - CNTT.

***1.2. Vai trò***

Chiến lược phát triển nhằm định hướng cho các hoạt động quản lý, giảng dạy, NCKH của Khoa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu của Khoa; làm cơ sở lập kế hoạch và triển khai hoạt động trong từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn.

***1.3. Giá trị sử dụng***

Chiến lược phát triển là cơ sở để kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ; tổng kết, đánh giá kết quả và điều chỉnh các mặt hoạt động của Khoa cho phù hợp với yêu cầu và thực tiễn;

Chiến lược phát triển sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Khoa, là định hướng chiến lược phát triển Khoa trong tương lai và làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

**2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và văn hóa**

***2.1. Sứ mạng***

Khoa Ngoại ngữ đảm nhận đào tạo nguồn nhân lực về ngoại ngữ chất lượng cao; Có nhiệm vụ đào tạo sinh viên ngoại ngữ trở thành những người giỏi về chuyên môn, có văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; sáng tạo và ứng dụng tri thức vào đời sống thông qua hoạt động tác nghiệp và nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước.

***2.2. Tầm nhìn***

 Khoa phấn đấu đến năm 2025, tầm nhìn 2030 Khoa trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu ngôn ngữ; là địa chỉ đào tạo cử nhân tiếng Anh, tiếng Trung Quốc có uy tín của khu vực Bắc miền Trung.

***2.3. Giá trị cốt lõi và văn hóa***

Chất lượng, hiệu quả và hội nhập. Thành tích của sinh viên sau khi tốt nghiệp là thước đo sự thành công của Khoa.

**3. Đánh giá chung**

Bối cảnh hiện tại của Khoa được thể hiện qua các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức sau:

***3.1. Điểm mạnh***

- Khoa Ngoại ngữ là một trong những khoa có vị trí quan trọng của Trường Đại học Quảng Bình trong công tác đào tạo sinh viên, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

- Đội ngũ ngũ Giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, đa số giảng viên (bao gồm cả giảng viên kiêm nhiệm) có trình độ ThS, TS, được đào tạo chuẩn và là nhân tố quan trọng để kết nối các hoạt động HTQT trong đào tạo và nghiên cứu.

- Đã duy trì sự phù hợp giữa quy mô đào tạo với các điều kiện đảm bảo chất lượng (Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng tổ chức quản lý,…)

- Khoa có đội ngũ cán bộ viên chức ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; có 1 đội ngũ giảng viên mạnh về nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện các đề tài khoa học các cấp, xuất bản được các bài báo trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

- Đội ngũ giảng viên đa số trẻ, năng động, đang rất quyết tâm và tích cực học tập nâng cao trình độ.

- Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của Khoa đã được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của Khoa và Nhà trường đáp ứng quy mô đào tạo và nhu cầu NCKH, các phòng thực hành công nghệ cao được lặp đặt phục vụ nhu cầu của người học.

- Các hoạt động hợp tác của Khoa với các doanh nghiệp liên quan đến chuyên môn ngày càng mở rộng tạo cơ hội thực tập nghề cho sinh viên ngay từ khi đang học tại trường, cơ hội việc làm ngày càng mở rộng cho sinh viên, gắn được đào tạo với thực tiễn.

***3.2. Hạn chế***

- Năng lực hội nhập quốc tế của Khoa trong đào tạo và KHCN chưa đáp ứng yêu cầu. Chiến lược hoạt động KHCN và Hợp tác quốc tế chưa thực sự được định kỳ điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Sự gắn kết giữa đào tạo SĐH với các hoạt động chuyên môn của Khoa còn hạn chế. Chưa thu hút được nhiều SV, HV và NCS tham gia các hoạt động KHCN do GV chưa khai thông được nhiều đề tài nghiên cứu.

- Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của GV. Tỷ lệ GV chủ trì đề tài NCKH trên tổng số GV còn thấp. Một số giảng viên, sinh viên, học viên và NCS chưa tự chủ động trong các hoạt động KHCN.

- Chưa khai thác được lợi thế của khoa để tổ chức các nhóm nghiên cứu liên ngành và hợp tác đối ngoại.

- Chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực đủ mạnh để tham gia đấu thầu các nhiệm vụ KHCN trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.

- Khoa chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích GV, SV, học viên và NCS tích cực quan hệ, kết nối và tìm kiếm các dự án trong và ngoài nước. Chưa xây dựng được nhiều hợp tác bền vững và hiệu quả với các địa phương, trường, viện NC, doanh nghiệp,...

- Chưa có nhiều chuyên gia có uy tín để tổ chức đào tạo, NCKH, CGCN, dịch vụ KHCN và bồi dưỡng giảng viên trẻ. Chưa có nhiều giảng viên có năng lực kết nối, hợp tác trong nước và nước ngoài.

***3.3. Cơ hội***

- Toàn cầu hoá tạo cơ hội lớn cho Khoa sớm có các chương trình, giáo trình tiên tiến và sớm đào tạo được các chuyên gia trẻ đẳng cấp quốc tế.

- Chủ trương xã hội hoá giáo dục và tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo; chủ trương tạo điều kiện của Nhà trường đang mở ra cho Khoa nhiều cơ hội mới.

- Nhu cầu đào tạo, tuyển dụng các ngành liên quan Khoa đang đào tạo ngày càng tăng, tạo ra cho Khoa cơ hội tốt để mở rộng nhanh chóng nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo.

- Nhà trường đã phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 –2020, giai đoạn 2021-2030.

- Sự quan tâm, hỗ trợ của Lãnh đạo Nhà trường, sự phối hợp ủng hộ của các đơn vị trong Nhà trường.

- Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng.

- Mối liên kết giữa trường đại học với địa phương và doanh nghiệp có xu hướng tăng.

***3.4. Thách thức***

- Quá trình toàn cầu hoá trên thế giới đang dẫn đến sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt giữa các nền kinh tế, thế yếu của các trường địa phương, giữa các trường đại học trong nước đặc biệt là ngành ngoại ngữ. Hầu hết các trường đều đào tạo ngành này, đòi hỏi Khoa phải có chính sách thu hút nhân tài, có chiến lược tuyển sinh tốt để thu hút người học.

- Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của Khoa ngày càng cao.

- Cạnh tranh giữa các Khoa có ngành đào tạo trong các trường đại học ngày càng gia tăng.

- Hệ thống đảm bảo chất lượng và chuẩn nghề nghiệp chưa định hình.

- Đầu tư của Trường và Khoa còn thấp.

- Nhận thức của người dân về việc chọn ngành nghề và nơi học đang gây khó khăn trong tuyển sinh đối với các trường địa phương.

- Sự công nhận và liên thông chương trình đang hạn chế giữa các trường, khoa có đào tạo ngành.

**4. Kết quả đạt được giai đoạn 2016-2021**

***4.1. Ưu điểm***

Trong giai đoạn 2016-2021, khoa đã đạt được các nhiệm vụ được giao:

- Hoàn thành tốt công tác xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo (2017, 2019, 2021), biên soạn và nghiệm thu chương trình chi tiết, tài liệu bài giảng. Đảm bảo 100% cán bộ giảng viên lên lớp có tài liệu bài giảng có chất lượng.

- Khoa thực hiện giảng dạy các học phần, tín chỉ theo quy định khối lượng kiến thức năm học và kết thúc đúng tiến độ, đảm nhiệm các học phần ngoài tiến độ cho các đối tượng khác.

- Tổ chức tốt công tác dạy học, ra đề thi, coi thi, chấm thi đúng quy chế.. Các hoạt động dự giờ đồng nghiệp, thao giảng, sinh hoạt chuyên môn, xếp loại hồ sơ chuyên môn đảm bảo và được xếp đạt loại tốt trở lên.

- Trong giai đoạn 2016-2021, Khoa có nhiều thành tích trong công tác KHCN. 100% các đề tài nghiên cứu đăng ký từ đầu năm học được triển khai tốt, đúng tiến độ, 02 đề tài cấp tỉnh, 13 đề tài cấp cơ sở. Số cán bộ giảng viên của khoa tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế trong nước: có 100 bài báo đăng tạp chí, Tham gia tích cực và phối hợp với Nhà trường tổ chức tốt các sự kiện khoa học. Sinh viên có 06 đề tài cấp trường được đánh giá cao, trong đó có 02 đề tài đạt giải Nhất, Nhì cấp trường.

- Khoa đã tổ chức thành công hội thảo khoa học “Sinh viên với nghiên cứu khoa học” với quy mô lớn và thu hút được nhiều giảng viên, sinh viên tham gia, với số lượng và chất lượng báo cáo hơn hẳn các năm trước. Khoa cũng đã hợp tác với các viện, các trường đại học để theo dự các hội thảo chuyên môn, tạo không khí học thuật trong cán bộ giảng viên.

- Hoạt động thực hành, thực tập cho sinh viên được Khoa và 2 bộ môn rất quan tâm; đã tổ chức nhiều đợt thực tế cho sinh viên đến các công ty du lịch, mời các chuyên gia nói chuyện về định hướng và cơ hội việc làm khi ra trường, đã mở ra nhiều cơ hội cho sinh viên của khoa khi ra trường và là cách thức vận hành kết hợp với doanh nghiệp mà khoa đang định hướng trong đào tạo.

- Khoa đã xây dựng kế hoạch dài hạn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBGV. Trong giai đoạn 2016-2020, Khoa đã có 02 giảng viên bảo vệ thành công tiến sỹ.

- Các lớp do Khoa quản lý đảm bảo sỹ số sinh viên, nề nếp sinh hoạt tập thể và học tập tốt. Đảm bảo công tác tốt nghiệp cho sinh viên ra trường.

- Đã tổ chức được Hội nghị dân chủ trong sinh viên ngay đầu năm học, đây là diễn đàn phát huy tinh thần tự chủ, giao lưu học hỏi, cùng nhau xây dựng kế hoạch hành động để việc tự học, tự bồi dưỡng đạt kết quả cao trong học tập, chuẩn bị cho tương lai lập thân lập nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBGV; công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác luôn được triển khai và thực hiện tốt.

***4.2. Khuyết điểm***

- Công tác dự giờ, thao giảng, tổ chức nghiệm thu tài liệu bài giảng, xây dựng chương trình giáo dục đại học ở các tổ chuyên môn triển khai chưa thường xuyên.

- Công tác tuyển sinh còn nhiều hạn chế

- Số tiết giảng dạy thừa giờ còn nhiều nên hạn chế trong công bố các công trình quốc tế.

**5. Mục tiêu**

***5.1. Giai đoạn 2021 - 2025***

• Phát triển đội ngũ: Quy mô CBGV của Khoa, sẽ là 17 -20 giảng viên với 100% có trình độ sau đại học, trong đó, có 40% là tiến sĩ, 60% là thạc sĩ; 100% sử dụng tốt CNTT cho giảng dạy và nghiên cứu.

• Số chuyên ngành đào tạo: 02 chuyên ngành với quy mô 200 sinh viên.

• Tiếp tục củng cố và phát triển tiếng Anh cho sinh viên không chuyên các hệ.

***5.2. Mục tiêu đến năm 2030***

• Phát triển đội ngũ: Quy mô giảng viên của Khoa đến năm 2030 sẽ là 25 giảng viên; với 100% có trình độ sau đại học; trong đó có 60% tiến sĩ; 40% thạc sĩ cử nhân.

• Số chuyên ngành đào tạo: Đến năm 2030, Khoa sẽ đào tạo 02 chuyên ngành bậc đại học; 01 chuyên ngành sau đại học

• Quy mô đào tạo: Đến năm 2030 quy mô đào tạo của Khoa sẽ là 400-500 sinh viên.

• Chuẩn chất lượng đầu ra đảm bảo theo yêu cầu của chương trình đào tạo và yêu cầu của doanh nghiệp.

**6. Giải pháp trọng tâm giai đoạn 2021-2025**

Xây dựng và hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo ngành Tiếng anh không chuyên theo chuẩn năng lục 6 bậc NN VN;

2. Tuyển chọn, qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy để đáp ứng nhu cầu phát triển.

3. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng “ lấy sinh viên làm trung tâm ”

4. Mở rộng quan hệ trong nước và quốc tế để tăng cường liên kết đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.

5.Tạo môi trường thuận lợi cho giảng viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tại các bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn để xây dựng, củng cố lòng yêu mến nghề nghiệp và sự gắn bó với nghề của giảng viên và sinh viên khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường.

6. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể để động viên toàn thể CBVC của khoa đổi mới đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo.

**7. Các nội dung cụ thể chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025**

***7.1. Công tác tổ chức cán bộ***

- Bổ sung thêm viên chức thông qua tuyển mới hoặc điều chuyển các đơn vị trong Nhà trường, các viên chức có chuyên môn đào tạo của khoa, các viên chức chuyên môn CNTT.

- Rà soát công tác đào tạo bồi dưỡng của viên chức phù hợp với tình hình thực tế của khoa.

- Khuyến khích, hỗ trợ 1-2 giảng viên làm PGS

***7.2. Công tác đào tạo:***

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo được nhà trường phân công, đơn vị sớm triển khai phân công giảng dạy hợp lý, xây dựng chương trình, đề cương chi tiết, tài liệu bài giảng các môn học phục vụ tốt việc đào tạo các hệ.

- Tích cực tổ chức các buổi seminar cấp tổ, cấp khoa, sinh hoạt học thuật về những vấn đề thuộc chuyên môn hẹp, chuyên ngành đào tạo. Lấy các hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học làm tiêu chí chính trong công tác đánh giá xếp loại viên chức và công tác thi đua cuối học kì, cuối năm học.

- Triển khai có chất lượng kế hoạch dự giờ, thực tập thao giảng, hội họp, bình xét đánh giá từ nhóm, tổ chuyên môn. Bảo đảm nghiêm túc hồ sơ chuyên môn. Tích cực tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ về mọi mặt đáp ứng yêu cầu chuẩn mực của một giảng viên của trường Đại học.

- Quản lý tốt công tác thi bao gồm từ khâu ra đề, duyệt đề, coi thi, chấm thi, đánh giá học tập của sinh viên một cách chặt chẽ, nghiêm túc, chất lượng và đúng quy chế..

- Quản lý tốt hồ sơ giáo vụ của khoa bao gồm hồ sơ sinh viên, sổ điểm, sổ đầu bài, sổ trực báo thông tin, danh sách sinh viên nội trú và ngoại trú, biên chế tổ chức các lớp một cách chặt chẽ. Hoàn thành các học phần đào tạo theo đúng tiến độ quy định.

- Thường xuyên cập nhật các thông tin về khoa học, đào tạo và quản lý lên mạng (ở trang web của khoa). Tạo điều kiện thuận lợi trong sự trao đổi thông tin giữa cơ sở đào tạo và sinh viên.

- Xây dựng đề án mở mã ngành đào tạo sau đại học.

- Xây dựng CTĐT để hợp tác, liên kết đào tạo.

- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng chuyên môn Nhà trường, Phòng Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế, căn cứ chương trình khung, tham khảo chương trình của các trường trong nước và quốc tế, xây dựng tốt hoàn chỉnh chương trình đào tạo các mã ngành mà khoa có tham gia.

***7.3. Công tác NCKH:***

- Tăng cường các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế nhằm tìm kiếm cho các hoạt động KHCN.

- Gắn kết nghiên cứu phục vụ đào tạo.

- Tổ chức các cuộc hội thảo các cấp: khoa, trường, quốc gia, quốc tế để giảng viên, sinh viên có dịp trao đổi, học tập các chuyên gia kinh tế nổi tiếng Việt Nam và thế giới.

- Tăng cường số lượng giảng viên tham gia các hội thảo quốc gia, quốc tế và xuất bản sách, đăng bài kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc gia, quốc tế.

***7.4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục***

- Khoa và bộ môn tiếp tục theo dõi chặt chẽ việc thực hiện của giảng viên. Bộ môn, giáo vụ khoa tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiến độ đào tạo, đảm bảo giảng viên lên lớp đúng, đủ số tiết và nội dung quy định. Giảng viên cập nhật vào sổ đầu bài số tiết lên lớp, nội dung bài giảng và tình hình học tập của người học theo đúng quy định.

- Khoa thành lập nhóm thanh tra, kiểm tra đảm bảo chất lượng giảng dạy, ra đề, coi thi, chấm thi đúng quy định. Thực hiện các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, đảm bảo đúng quy chế, nghiêm túc, khách quan, chính xác công bằng, đảm bảo quyền lợi của người học.

- Các bộ môn thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo kế hoạch của Nhà trường.

***7.5. Công tác sinh viên***

- Giáo vụ khoa phối hợp với Văn phòng khoa, Liên chi đoàn và giảng viên được phân công phụ trách các lớp (có bảng kèm theo) để kiện toàn tổ chức các lớp thông qua Đại hội chi đoàn, đại hội lớp, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của năm học. Xác định mục tiêu, lý tưởng, động cơ và tinh thần thái độ học tập để ngày mai lập nghiệp đến từng sinh viên. Thông qua kiểm tra định kỳ, kết hợp với kiểm tra đột xuất để kịp thời giáo dục và uốn nắn cho sinh viên, kịp thời đánh giá nhận xét để duy trì nề nếp, kỷ cương cho từng đơn vị lớp.

- Nắm vững điều tra cơ bản về danh sách nội trú, ngoại trú và địa bàn cư trú sinh viên. Thông qua trực báo, duy trì nề nếp thông tin trực tiếp giữa Khoa và từng lớp để bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn khoa. Thực hiện đầy đủ mọi quy định về trang phục, phù hiệu trong toàn khoa.

- Thực hiện dân chủ hóa trong đào tạo và quản lý sinh viên bằng việc tổ chức tiếp xúc và đối thoại trực tiếp với sinh viên để hiểu được tâm tư, nguyện vọng của họ. Phát hiện sớm những thiếu sót, vi phạm quy chế... để có biện pháp uốn nắn kịp thời, đồng thời biểu dương các sinh viên tiêu biểu trong phong trào học tập rèn luyện để ngày mai lập nghiệp, góp phần động viên phong trào.

***7.6. Công tác khác***

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho viên chức, đoàn viên, sinh viên, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa trong đơn vị và Nhà trường.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong đơn vị, tăng cường tiếp xúc với giảng viên, sinh viên, kịp thời nắm bắt thông tin, đề ra những giải pháp giải quyết vấn đề hợp lý.

- Tích cực phòng chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực, xây dựng môi trường làm việc hiệu quả, văn minh.

- Đẩy mạnh việc vận dụng hiệu quả công nghệ 4.0 trong công tác quảng bá. Phát triển mạnh website và các trang fanpage, zalo chính thức của khoa để quảng bá và lan tỏa thông tin, hình ảnh và chất lượng về sản phẩm, dịch vụ của khoa một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời.

- Chú trọng chất lượng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học là cốt lõi của công tác quảng bá và phát triển thương hiệu của khoa trong thời gian tới.

**8. Giải pháp định hướng đến 2030**

- Tích cực tuyển dụng, bổ sung thêm viên chức có trình độ tiến sỹ để phục vụ công tác mở mã ngành.

- Quản trị hiệu quả đội ngũ viên chức hiện có và cơ sở vật chất được Nhà trường trang bị cho khoa.

- Khuyến khích giảng viên tiến sỹ làm PGS để mở ngành đào tạo sau đại học ngành CNTT.

- Mở rộng liên kết đào tạo sau đại học cho các ngành khoa quản lý.

- Tiến hành phổ cập tiếng Anh cho giảng viên, cán bộ trẻ, đảm bảo phần lớn các cán bộ, giảng viên trẻ đủ sức hội nhập quốc tế: khai thác thông tin trên mạng phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước.

- Tích cực mở rộng hợp tác quốc tế trong liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ và tổ chức hội thảo quốc tế. Mời giảng viên thỉnh giảng nước ngoài và cử nhiều giáo viên ra nước ngoài giảng dạy và nghiên cứu.

- Gắn nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với nhu cầu.

- Tăng cường hợp tác với các bên liên quan, đặc biệt là với các doanh nghiệp trong thực hành, thực tập, việc làm cho sinh viên.

- Triển khai kiểm định các chương trình đào tạo theo kế hoạch của Nhà trường.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp, các đơn vị đào tạo trong các hoạt động chuyên môn.

**9. Tổ chức thực hiện và đánh giá**

***9.1. Tổ chức thực hiện***

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức và người lao động về vai trò và vị trí quan trọng của Chiến lược phát triển đối với sự phát triển của Khoa giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Lãnh đạo khoa chỉ đạo các cá nhân, các bộ môn có liên quan cụ thể hóa thành các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để từng bước triển khai thực hiện;

Định kỳ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời các chỉ tiêu, biện pháp…cho phù hợp với thực tiễn.

***9.2. Tổ chức giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển***

Thường xuyên kiểm tra, giám, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược phát triển theo từng lộ trình đã xây dựng và kịp thời điều chỉnh xây dựng kế hoạch hành động năm tiếp theo để phù hợp với chiến lược phát triển chung của khoa và phù hợp với thực tiễn và chiến lược của Nhà trường./.

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Võ Thị Dung**